

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO**  
**TẠI ĐÀ NẴNG**  
**Quyết định giám đốc thẩm**  
Số: 33/2021/DS-GĐT  
Ngày 02/6/2021  
Về “Yêu cầu chấm dứt  
hành vi cản trở lối đi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Tuấn - Thẩm phán

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Minh Tuấn và ông Đặng Kim Nhân.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thẩm tra viên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*  
Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án dân sự “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở lối đi” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H; Cùng cư trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Đ.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Ph; Cùng cư trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện* đề ngày 09/7/2015 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vợ ông chồng Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H trình bày: Trước đây, để đi ra đường công cộng gia đình ông bà sử dụng con đường là lối đi ngang qua đất của bà Hồ Thị M và bà Đoàn Thị X; con đường này đã được hình thành từ rất lâu và được thể hiện tại bản đồ địa chính năm 1997. Sau khi bà X chết, hai con của bà X là ông Nguyễn Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Ph sử dụng toàn bộ nhà đất và đã chặn lại lối đi trên, không cho gia đình ông bà đi lại trên lối đi này.

Vì vậy, để đi lại gia đình ông phải mở lối đi khác để ra đường bê tông liên thôn do Nhà nước xây dựng vào năm 2015. Từ năm 2015 đến nay gia đình ông bà không còn sử dụng lối đi qua đất của cụ Xuân. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu ông Nguyễn Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Ph chấm dứt hành vi cản trở lối đi đã có từ trước đến nay ngang qua thửa đất của bà X.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Ph trình bày:*

Thửa đất mà ông bà đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc của ông Đoàn Đại Đ chết để lại cho con là Đoàn Thị V và Đoàn V1. Sau đó, hai người con của ông Đoàn Đại Đ đã giao thửa đất này lại cho mẹ ông bà là bà Đoàn Thị X quản lý, sử dụng. Vào thời chiến tranh, mẹ ông bà cho bà Hồ Thị M một phần đất để ở tạm, theo đó có chừa một lối đi ngang qua thửa đất này để cho gia đình bà M và gia đình bà Nguyễn Thị Chưa (mẹ ông T) đi lại. Sau này, gia đình bà M đã trả phần đất này cho gia đình bà X. Năm 2011, bà Đặng Thị X mất, thửa đất số 795 tờ bản đồ số 04 (nay là thửa đất số 1023 ,tờ bản đồ số 16) do ông bà quản lý sử dụng. Khi Nhà nước đã mở một con đường mới sát gần đất nhà ông bà thì ông bà không cho gia đình ông T tiếp tục sử dụng lối đi ngang qua thửa đất của gia đình mình nữa vì lối đi này thuộc đất gia đình ông bà; không phải là lối đi chung. Mặc khác, con đường này nằm trên đất thuộc thôn T và người dân ở thôn T 3 không sử dụng con đường này để đi làm ruộng nữa, vì ruộng đã bị san lấp làm đường đi và khu di tích. Vì vậy, ông bà không đồng ý với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở lối đi chung của vợ chồng ông T, bà H.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H quyết định:

*Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các Điều 164, 254 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Căn cứ pháp lệnh án phí lệ phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009, Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.*

*Tuyên xử:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Thanh T1 chấm dứt hành vi cản trở lối đi chung vào thửa đất số 800, tờ bản đồ số 04, phường T của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị H (có sơ đồ kèm theo).*

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 22/6/2020, bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2020/DS-PT ngày 18/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Đ quyết định:

*Căn cứ các Điều 157, 158, 165, 166, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12; khoản 2 Điều 29,*

*khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.*

*Tuyên xử:*

*Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T1. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H.*

*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị H.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác.*

*- Ngày 30/9/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị H có đơn đề nghị theo xem xét theo thủ tục giám thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.*

*- Ngày 05/10/2020, ông Đỗ Thanh H có đơn đề nghị theo xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm với lý do thửa đất số 1003 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà M năm 1997 và được chỉnh lý biến động sang tên ông Đỗ Thanh H ngày 05/9/2016; lỗi đi chung tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn, ngoài nguyên đơn sử dụng thì gia đình ông cũng sử dụng lối đi này.*

*- Tại Quyết định số 50/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 08/4/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Đ với nhận định:*

### ***1. Về tố tụng***

*Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định con đường tranh chấp là lối đi vào thửa đất số 800 của ông T, bà Ph và thửa đất số 1003 của bà Hồ Thị M, xung quanh thửa đất của vợ chồng ông T và thửa đất của bà M bị bao vây bởi các bất động sản liền kề. Phía ông T1, bà Ph cho rằng, trước đây bà M chỉ ở tạm trên đất của gia đình Ông, Bà; hiện nay, bà M đã trả lại diện tích đất này cho hộ Ông, Bà.*

*Theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm và chứng cứ do ông Đỗ Thanh H (con bà Hồ Thị M) cung cấp, thể hiện: Thửa đất số 1003 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà M năm 1997; thửa đất này được tặng cho, biến động sang tên ông Đỗ Thanh H ngày 05/9/2016.*

*Tại Công văn số 22/UBND-KT ngày 28/01/2021 của UBND phường T Thanh Tây, xác định: Ngoài hộ ông T, bà H và hộ ông T1, còn có hộ ông Đỗ Thanh H đi trên con đường đang tranh chấp từ trước năm 1975 đến nay, hộ ông T và hộ ông H nằm phía trong thửa đất của ông T1.*

Như vậy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không đưa ông Đỗ Thanh H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đỗ Thanh H.

## **2. Về nội dung:**

Theo Biên bản làm việc ngày 19/5/2016, UBND phường T xác định: “Con đường tranh chấp là lối đi vào hai thửa đất số 800 của ông T, bà H và thửa đất số 1003 của bà Hồ Thị M; con đường này còn là lối đi để người dân xung quanh đi làm ruộng và được thể hiện trong Bản đồ địa chính năm 1997”. Tuy nhiên, Tờ Bản đồ số 16 (Bản đồ đo đạc VN 2000) do Tòa án cấp phúc thẩm thu thập lại không thể hiện con đường đi giữa các thửa đất nêu trên.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2020, thực tế có một con đường nối từ đường bê tông liên xóm qua thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 16 (thửa số 795, tờ bản đồ số 4 cũ) của bà X vào thửa đất số 882, tờ bản đồ số 16 (thửa số 800, tờ bản đồ số 4 cũ) của ông T, bà H. Tại Công văn số 22/UBND-KT ngày 28/01/2021 của UBND phường T, xác định: “Con đường tranh chấp nằm trong Bản đồ năm 1997, có sự khác nhau giữa Bản đồ địa chính năm 1997 và Tờ Bản đồ số 16, vì: Tại thời điểm đo đạc VN 2000, gia đình bà Đoàn Thị X tự kê khai, UBND phường T không trực tiếp dẫn đo đạc nên dẫn đến sai sót”.

Như vậy, con đường các bên đang tranh chấp đã hình thành từ lâu theo Bản đồ địa chính năm 1997, còn Tờ bản đồ 16 không thể hiện có con đường. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xác minh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ông T1, bà Ph xác định thửa đất số 795, tờ bản đồ số 04 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X, con đường tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận đã cấp. Giai đoạn phúc thẩm, ông T1, bà Ph lại xác định thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 22/UBND-KT ngày 28/01/2021 của UBND phường T, xác định: Thửa đất số 795, tờ bản đồ số 04 đã được bà X kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thể hiện tại hồ sơ địa chính trang số 923, số vào sổ ngày 09/3/1997 và sổ mục kê được lưu giữ tại UBND phường T). Trong diện tích kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận, không bao gồm con đường đang tranh chấp.

Xét thấy, lời khai của bị đơn trước sau có mâu thuẫn, nhưng Tòa án hai cấp không xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ tại cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để làm rõ thửa đất số 795 (nay là thửa đất số 1023) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X hay chưa? Quá trình kê khai, đăng ký hoặc cấp

*Giấy chứng nhận đối với thửa đất nêu trên có bao gồm con đường tranh chấp hay không? Từ đó dẫn đến, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 795 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, đất cho bà X, còn Tòa án cấp phúc thẩm lại xác định thửa đất số 795 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

*Tại Bản án phúc thẩm số 86/2020/DS-PT ngày 18/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Đ cho rằng, từ năm 2015, Nhà nước mở con đường liên thôn gần sát nhà của ông T và hộ ông T đã mở lối đi khác từ nhà ra đường bê tông liên thôn nên không còn được hưởng quyền đi qua con đường đang tranh chấp thuộc đất của bà X. Tuy nhiên, tại Công văn số 22/UBND-KT ngày 28/01/2021 của UBND phường T lại xác định: Con đường liên thôn Nhà nước mới mở không thể sử dụng làm lối đi chung vào nhà của hộ ông T. Hiện tại, hộ ông T muốn đi ra đường liên thôn phải đi nhờ qua thửa đất số 800A, tờ bản đồ số 04 của ông Nguyễn Văn Hạnh, tại khối phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Đ. Ngoài ra, con đường này còn là lối đi chung của hộ ông T, hộ ông H và hộ ông T1.*

*Từ những chứng cứ nêu trên nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ, dẫn đến giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.*

*- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 50/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 08/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thửa đất của ông T, bà H là thửa đất số 800, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa số 822, tờ bản đồ số 16) thuộc thôn T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Đ đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 470751 ngày 09/5/2006, đứng tên ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị H (BL 07).

[2] Tại Công văn số 22/UBND-KT ngày 28/01/2021 của UBND phường T xác định thửa đất 795, tờ bản đồ số 04 thuộc thôn T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Đ được bà Đoàn Thị X kê khai vào năm 1997 và kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/3/1997. Hiện đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang lưu giữ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai thị xã H. Trong diện tích kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ năm 1997 con đường làm lối đi vào thửa đất của ông T, bà H không liên quan đến thửa đất 795, tờ bản đồ số 04 của bà X.

[3] Thừa đất số 1003, tờ bản đồ số 04 thuộc thôn Tài Lương, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Đ đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/8/1997 đứng tên hộ bà Hồ Thị M (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01531 QSDĐ/A9) và được chỉnh lý sang tên cho ông Đỗ Thanh H ngày 05/9/2016. Do đó, việc ông T1, bà Ph cho rằng thừa đất 1003 là của bà Đoàn Thị X (là mẹ ông T1, bà Ph) cho gia đình bà M ở tạm và hiện nay gia đình bà M đã trả lại là không có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không đưa ông Đỗ Thanh H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đỗ Thanh H.

[4] Ông T1, bà Ph thừa nhận thừa đất của ông T, bà H bị vây bọc bởi các thửa đất của bà Đoàn Thị X (là mẹ ông T1, bà Ph) và con đường đi từ thửa đất ông T, bà H ra đường công cộng là lối đi ngang qua thửa đất của bà X, lối đi này mẹ của ông T, bà H là bà Nguyễn Thị Chưa đã sử dụng từ khi bà X còn sống (BL 25, 26).

[5] Tại Biên bản làm việc ngày 19/5/2016 (BL 46), Công văn số 22/UBND-KT ngày 28/01/2021 UBND phường T xác định con đường tranh chấp là lối đi vào thửa đất số 800 của ông T, bà H còn là lối đi vào thửa đất số 1003 của bà Hồ Thị M (là mẹ của ông Đỗ Thanh H); lối đi này có từ trước năm 1975 và được thể hiện tại Bản đồ địa chính năm 1997; đồng thời con đường này còn là lối đi để người dân xung quanh đi làm ruộng. Mặc khác, con đường bê tông hiện nay ông T, bà H đang sử dụng không thể làm lối đi vào thửa đất của ông H được, vì con đường này phải đi nhờ qua thửa đất số 800A, tờ bản đồ số 4, thôn T đã được UBND huyện T Thanh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Hạnh ngày 09/5/2006 (Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.03618/A9).

[6] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2020 (BL 124), thực tế có một con đường đất nối từ đường bê tông liên xóm qua thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 16 (thửa số 795, tờ bản đồ số 4 cũ) của bà X vào thửa đất số 882, tờ bản đồ số 16 (thửa số 800, tờ bản đồ số 4 cũ) của ông T, bà H.

Với những chứng cứ đã nhận định trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Đ; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Đ giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xử;

1. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2020/DS-PT ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Đ và Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H về vụ án “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở lối đi*” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị H với bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thị Ph.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Đ để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra II – TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Đ;
- TAND thị xã H (kèm hồ sơ vụ án để xét xử sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Bình Đ (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Giám đốc kiểm tra II và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Minh Tuấn**